

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2021/HS-PT

Ngày: 14/4/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Ông Vũ Minh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 04 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 978/2020/TLPT-HS ngày 05 tháng 11 năm 2020 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 399/2020/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố H1.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ tên: **Nguyễn Trung S**; sinh năm 1978, tại thành phố H1; giới tính: Nam; nơi cư trú: Tổ dân phố 09, phường Đ, quận L, thành phố H1; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 08/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn L1 và bà Ngô Thị C; gia đình có 02 anh em (*bị cáo là con thứ nhất*); có vợ là Tăng Thị Hương L2 (*sinh năm 1981*) và 02 con (*sinh năm 1998 và 2005*); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 25/9/2002, Tòa án dân sự huyện D (*tỉnh H1*) xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ; đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/4/2019 đến ngày 02/8/2019; tại ngoại và bị Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị bắt và tạm giam từ ngày 19/6/2020 trong vụ án khác; Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ tên: **Trần Văn K**; sinh năm 1991, tại V; giới tính: Nam; nơi cư trú: Khu 1, thôn Đ2, xã Đ1, huyện Y, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn M (*đã chết*) và bà Nguyễn Thị Y1; gia đình có 03 chị em (*bị cáo là con thứ hai*); có vợ là Phạm Thị M1 (*sinh năm 1991*) và có 01 con (*sinh năm 2018*);

tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 21/11/2011, Tòa án nhân dân tỉnh V xử phạt 06 năm tù về tội Cướp tài sản (*ra trại ngày 30/8/2013, đã xóa án tích*); bị bắt và tạm giam từ ngày 06/4/2020; Có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trung S:* Luật sư Trần Thị Ngọc H - Công ty luật TNHH Đ3, Đoàn luật sư thành phố H1; Vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:* Chị Tăng Thị Hương L2 sinh năm 1981; Nơi cư trú: số nhà 20 ngõ 529 đường N, tổ 9, phường Đ, quận L, thành phố H1; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức H làm nghề sửa xe ô tô và có nghiện ma túy. Để có tiền sử dụng ma túy, H nảy sinh ý định trộm cắp xe ô tô và rủ thêm Nguyễn Trung S (*anh họ*), Nguyễn Tiến P (*bạn S, ở gần nhà*) tham gia cùng trộm cắp tài sản; H, S và P thỏa thuận: H trực tiếp trộm cắp xe ô tô rồi gọi điện cho S và P để cùng mang xe đến tỉnh V tiêu thụ.

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 13/4/2019, S điều khiển xe ô tô của S (*biển kiểm soát 29H-200.53*) chở H và P đến gần ngã tư S (*quận L, thành phố H1*). H cầm theo vạm phá khóa, xuống xe và đi bộ vào phố S để tránh bị Camera phát hiện; S và P đi lòng vòng rồi đỗ xe đợi tại khu vực thị trấn T (*huyện G, thành phố H1*). Cuối phố S, H thấy chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát 29C-292.93 đỗ ở lề đường và không có người trông giữ (*chiếc xe này là tài sản của Công ty cổ phần kinh doanh H2 giao cho lái xe là anh Trần Văn T1 quản lý và sử dụng*); trên xe có các loại giấy tờ (*đăng ký xe, sổ kiểm định, bảo hiểm*) và 120 thùng sữa chua ăn Ba Vì có đường 48x100gr; 30 thùng sữa chua ăn LIF men sống có đường 48x75gr và 05 thùng sữa chua ăn Ba Vì nếp cẩm 48x95gr của Công ty Cổ phần sữa Quốc tế. H dùng vạm phá khóa để phá ổ khóa cửa xe, phá tiếp ổ khóa điện, nổ máy và điều khiển xe ô tô đi V; H gọi điện thoại thông báo cho S, Phát biết và hẹn gặp tại xã Đ1 (*huyện Y, tỉnh V*). Sau đó, S gọi điện cho người quen là Trần Văn K hẹn bán chiếc xe ô tô trên cho K (*S và K thường xuyên mua bán linh kiện ô tô với nhau từ năm 2016 đến nay*).

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 13/4/2019, H cùng S, P và K gặp nhau tại điểm hẹn (*khu vực bãi rác thuộc thôn Đ2, xã Đ1, huyện Y, tỉnh V*). S và H nói xe ô tô của công ty H làm việc, do công ty không trả lương nên H lấy xe và bán sắt vụn. K biết là xe không phải của H nhưng vẫn thỏa thuận mua với giá 55.000.000đồng. H đưa cho K toàn bộ giấy tờ của xe ô tô, S nhận tiền rồi đưa cho Phát 2.000.000đồng và giữ lại 53.000.000đồng để S và H chia nhau.

Cùng ngày 13/4/2019, K gọi điện thoại cho người quen là anh Trần Văn L2 nói muốn bán chiếc xe HD thùng đông lạnh, tình trạng không còn đẹp và đang để ở

khu vực bãi rác thôn Đ2. Anh L2 thấy xe ô tô không khóa nên mở cửa kiểm tra cabin thì thấy xe cũ và cabin nát nên gọi điện hỏi xe có giấy tờ không và bán giá bao nhiêu; K trả lời có đầy đủ giấy tờ, đăng ký năm 2010 và giá là 120.000.000đồng. L2 thỏa thuận mua với giá 110.000.000đồng, trả trước là 100.000.000đồng và nợ lại 10.000.000đồng. Do K vay nợ của L2 là 100.000.000đồng nên hai bên khấu trừ xong khoản nợ.

Liệu bảo anh Nguyễn Văn A (người làm thuê cho L2) điều khiển xe ô tô về nhưng không có chìa khóa nên L2 thuê xe cẩu đến và đưa xe này về bãi để anh A và anh Trần Văn C1 cùng phá dỡ nhằm bán vật liệu. Trong quá trình phá xe, anh A và anh C1 phát hiện các thùng sữa trong thùng xe nên đã hỏi L2; L2 gọi điện thoại hỏi thì K lại gọi điện thoại cho S để hỏi nguồn gốc; S bảo làm quà cho K và L2 nên K lấy vài thùng sữa; L2 cho anh A và anh C1 sử dụng hết các thùng sữa còn lại.

Sáng ngày 13/4/2019, anh Trần Văn T1 phát hiện mất trộm ô tô và đã trình báo Công an quận L; ngày 16/4/2019, Nguyễn Trung S và Nguyễn Tiến P đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội.

Cơ quan điều tra đã thu giữ những vật chứng: Ngày 16/4/2019, Trần Văn K đã tự nguyện giao nộp số tiền hưởng lợi bất chính (khi mua bán xe ô tô) là 50.000.000đồng; ngày 17/4/2019 (khi biết chiếc xe là vật chứng vụ án), Trần Văn L2 đã cho nhân công lắp ráp lại toàn bộ chiếc xe và giao nộp cho Cơ quan điều tra (khi thu giữ xe ô tô, Cơ quan điều tra xác định số khung, số máy của xe ô tô này đã bị tẩy xóa, không còn nguyên bản); cùng ngày 17/4/2019, Nguyễn Trung S đã tự nguyện giao nộp số tiền đã bán xe ô tô là 53.000.000đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 43 ngày 29/5/2019 (bút lục 378), Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận L kết luận: 120 thùng sữa SCB Ba Vì có đường 48x100g có giá trị 23.558.400đồng; 30 thùng BCALIF Men sống có đường 48x75g có giá trị 4.580.640đồng; 05 thùng BCA Ba Vì nếp cẩm 48x95g có giá trị 1.418.400đồng; tổng cộng: 29.557.440đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 52/KL-HĐ ngày 04/6/2019 (bút lục 381), Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự quận L kết luận: Chiếc xe ô tô tải cầu biển kiểm soát 29C-292.93, số khung KMCGK17BPACI- 35833, số máy D4DBA421883 trị giá là 250.000.000đồng.

Như vậy, tổng trị giá tài sản đã chiếm đoạt (gồm cả xe ô tô và sữa trên xe) là 279.557.440đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Trung S (bút lục 138-161) khai nhận: Khi bán xe ô tô cho K thì H và S có nói cho K biết chiếc xe là do trộm cắp được; khi giao xe, H và S có giao toàn bộ giấy tờ xe ô tô cho K và không biết trên xe ô tô có sữa.

Ngày 09/8/2020, chị Tăng Thị Hương L2 (vợ của Nguyễn Trung S) tự nguyện giao nộp tại Cục thi hành án dân sự thành phố H1 là 70.000.000đồng (biên lai 04102) để bồi thường thay Nguyễn Trung S và các đồng phạm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 399/2020/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố H1 đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung S phạm tội *Trộm cắp tài sản*; bị cáo Trần Văn K phạm tội *Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173, các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Trung S 06 (*sáu*) năm tù về tội Trộm cắp tài sản; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam (*từ ngày 16/4/2019 đến ngày 02/8/2019*).

Áp dụng điểm c và d khoản 2 Điều 323, các điểm b và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Văn K 05 (*năm*) năm tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/4/2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, bị cáo Nguyễn Trung S có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 02 tháng 10 năm 2020, bị cáo Trần Văn K có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 05 tháng 10 năm 2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Tăng Thị Hương L2 có đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại phân định trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Tăng Thị Hương L2 xin tự nguyện rút toàn bộ nội dung kháng cáo;

Các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích, đánh giá vị trí vai trò của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có ý kiến thể hiện: Tòa án cấp sơ thẩm quyết định xử phạt Nguyễn Trung S 06 (*sáu*) năm tù về tội Trộm cắp tài sản; Trần Văn K 05 (*năm*) năm tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm cả hai bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ mới do đó có căn cứ chấp nhận kháng cáo của cả hai bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 348, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Tăng Thị Hương L2; Chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Trung S và Trần Văn K.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng:* Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc KH nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về nội dung:*

Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng, phù hợp các vật chứng đã thu giữ, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 13/4/2019, Nguyễn Đức H cùng Nguyễn Trung S và Nguyễn Tiến P đến phường S, quận L, thành phố H1 lén lút lấy trộm của Công ty cổ phần kinh doanh H2 01 chiếc xe ô tô tải cầu biển kiểm soát 29C-292.93 và một số thùng sữa để trong thùng xe ô tô có tổng trị giá tài sản là 279.557.440đồng. Sau đó, H cùng S và P bán chiếc xe ô tô trên cho Trần Văn K với giá là 55.000.000đồng. K biết rõ chiếc xe ô tô này là do trộm cắp mà có nhưng vẫn mua rồi bán lại cho Trần Văn L2 với giá 110.000.000đồng, hưởng lợi bất chính là 55.000.000đồng. Bởi hành vi nêu trên Nguyễn Trung S đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự, Trần Văn K về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại các điểm c và d khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[3] *Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:*

Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Trung S và Trần Văn K đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội gây tâm lý hoang mang trong dư luận nhân dân. Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá và xác định bị cáo Nguyễn Đức H là người khởi xướng, chủ mưu, tích cực thực hiện hành vi phạm tội, ngoài hành vi trên H còn tự mình thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản khác nên giữ vai trò chính, chủ yếu trong đồng phạm về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Nguyễn Trung S tham gia với vai trò đồng phạm, giúp sức cho H, bị cáo S không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Trung S thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tích cực bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, ra đầu thú, gia đình bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, vợ bị cáo đang có trọng bệnh bị cáo là lao động chính trong gia đình là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo Trần Văn K không tham gia trộm cắp tài sản, không hứa hẹn trước nhưng biết rõ tài sản do phạm tội mà có vẫn cố ý tiêu thụ nhằm thu lợi bất chính. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định xử phạt bị cáo Nguyễn Trung S 06 năm tù, Trần Văn K 05 năm tù là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, gia đình bị cáo Nguyễn Trung S đã xuất trình bệnh án của con trai bị cáo là Nguyễn Ngọc H bị bệnh tâm thần phân liệt đang phải điều trị tại Bệnh viện tâm thần trung ương; Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T3, huyện T2, tỉnh T1 thể hiện vợ chồng bị cáo Nguyễn Trung S có nhận chăm sóc phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng Hoàng Thị Q sinh năm 1930, trú tại thôn Đ4, xã T3 thời gian từ 01/01/2019 đến 16/3/2021; Giấy khen của Công ty TNHH dịch vụ vận tải S1 về thành tích xuất sắc giai đoạn 2015-2018 cùng xác nhận của Công ty S1 thể hiện trong thời gian làm việc bị cáo luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao; Kết quả chụp cắt lớp của Bệnh viện K Tân Triều và giấy xác nhận điều trị của Bệnh viện ung bướu Hà Nội thể hiện chị Tăng Thị Hương L2 (vợ bị cáo) bị ung thư cổ tử cung đang điều trị tại bệnh viện là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy bị cáo Nguyễn Trung S không giữ vai trò chính trong vụ án, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ; gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, vợ bị cáo mắc bệnh hiểm nghèo, con trai đang phải điều trị bệnh tâm thần, vợ chồng bị cáo còn một con nhỏ đang tuổi đi học. Do đó Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về có điều kiện chăm sóc vợ con.

Bị cáo Trần Văn K xuất trình đơn xin giảm nhẹ hình phạt của chị Phạm Thị M1 là vợ bị cáo, trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn: mẹ bị cáo tuổi cao, sức K yếu, con còn nhỏ dại; năm 2019 bị cáo K đã có hành động cứu cháu Nguyễn Văn H3 sinh năm 2007 bị đuối nước tại khu vực sông P1 chảy qua địa phận xã Đ1 kịp thời cùng người dân đưa cháu vào trạm y tế chữa trị qua cơn nguy hiểm có xác nhận của trưởng thôn và Ủy ban nhân dân xã Đ1; bị cáo có thân nhân là liệt sỹ, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Tăng Thị Hương L2 xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Xét việc rút kháng cáo của chị L2 là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của chị L2.

[5] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Trung S, Trần Văn K kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; chị Tăng Thị Hương L2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 348, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của chị Tăng Thị Hương L2. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Trung S, Trần Văn K; Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 399/2020/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố H1.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trung S 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày ra quyết định thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/4/2019 đến ngày 02/8/2019.

Áp dụng các điểm c và d khoản 2 Điều 323, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn K 04 (bốn) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/4/2020.

2. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Trung S, Trần Văn K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Chị Tăng Thị Hương L2 phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm chị L2 đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0020492 ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Cục thi hành án thành phố H1.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố H1;
- VKSND thành phố H1;
- Cục THADS thành phố H1;
- Trại tạm giam - Công an thành phố H1;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà